TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/HS-ST
Ngày: 24-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Xuân Đào;

2. Ông Trần Thanh Sang.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Nguyễn PH Vy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Thái Thị N (N),** sinh 02/01/1979, tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm T2, xã LĐ, tỉnh An Giang; nghề N: Kinh doanh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; trình độ văn hóa: 05/12; con ông Thái Đức Hùng (chết) và bà Trịnh Thị Sáng, sinh năm 1955; chồng: Lê N khánh, sinh năm 1980; con: có 01 người con sinh năm 2000; anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là người thứ hai; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/6/2025 đến nay tại Phân Trại tạm giam Chợ Mới – thuộc trại tạm giam số 01 Công an tỉnh An Giang; có mặt tại phiên tòa;

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 16/02/1989, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm T1, xã LĐ, tỉnh An Giang; nghề N: mua bán; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo phật; trình độ văn hóa: 06/12; con

ông Nguyễn Văn Dưa, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị Bước, sinh năm 1949; anh chị em ruột: có 07 người, bị cáo là người thứ sáu; vợ: Nguyễn Xuân H, sinh năm 1988; con: có 02 người, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/6/2025 đến nay tại Phân Trại tạm giam Chợ Mới – thuộc trại tạm giam số 01 Công an tỉnh An Giang; có mặt tại phiên tòa;

3. Họ và tên: **Lê Hồng Q (B),** sinh ngày 12/02/20005, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm T1, xã LĐ, tỉnh An Giang; nghề N: mua bán; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Lê Văn D, sinh năm 1964 và bà Thái Thị Thu H, sinh năm 1970; vợ: Phạm Phòng Ngọc Thảo V, sinh năm 2004; con: chưa; anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là người nhỏ nhất; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/6/2025 đến nay tại Phân Trại tạm giam Chợ Mới – thuộc trại tạm giam số 01 Công an tỉnh An Giang; có mặt tại phiên tòa;

4. Họ và tên: **Đặng Minh N**, sinh ngày 23/11/1984, tại thành phố Cân Thơ; nơi cư trú: khóm T2, xã LĐ, tỉnh An Giang; nghề N: Làm thuê; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; trình độ văn hóa: 6/12; con ông Đặng Văn C, sinh năm 1942 và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1952; anh chị em ruột: có 07 người, bị cáo là người thứ sáu; vợ: Phan Thị Bích T, sinh năm 1986; con: có 02 người, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/6/2025 đến nay tại Phân Trại tạm giam Chợ Mới – thuộc trại tạm giam số 01 Công an tỉnh An Giang; có mặt tại phiên tòa;

5. Họ và tên: **Phan Văn P**, sinh ngày 24/4/1988, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm T2, xã LĐ, tỉnh An Giang; nghề N: Lực lương an ninh trật tự cơ sở; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Phan Văn C, sinh năm 1965 và bà Lê Thị L, sinh năm 1967; anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là người nhỏ nhất; vợ: Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 2000 (đã ly hôn); con: chưa; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/6/2025 đến nay tại Phân Trại tạm giam Chợ Mới – thuộc trại tạm giam số 01 Công an tỉnh An Giang; có mặt tại phiên tòa;

6. Họ và tên: **Phan Văn C,** sinh ngày 01/01/1965; tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm T2, xã LĐ, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao Đài; trình độ học vấn: 05/12; con ông Phan Văn H (đã chết) và bà Huỳnh Thị E (đã chết); anh chị em ruột: có 11 người, bị cáo là người thứ bảy; vợ: Lê Thị L, sinh năm 1967; con: có 03 người, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa;

7. Họ và tên: **Lê Thị L,** sinh ngày 01/01/1967, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm T2, xã LĐ, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; trình độ văn hóa: 5/12; con ông

Lê Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Â (đã chết); anh chị em ruột: có 06 người, bị cáo là người nhỏ nhất; chồng: Phan Văn C, sinh năm 1965; con: có 03 người, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa;

8. Họ và tên: **Phan Văn N,** sinh ngày 20/8/1987, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp LT1, xã LĐ, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Phan Văn C, sinh năm 1965 và bà Lê Thị L, sinh năm 1967; anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là người thứ hai; vợ: Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1992; con: có 01 người sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa;

9. Họ và tên: **Phan Thị Bích T (T),** sinh ngày 16/02/1986, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp T2, xã LĐ, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Phan Văn C, sinh năm 1965 và bà Lê Thị L, sinh năm 1967; anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là người thứ nhất; chồng: Đặng Minh N, sinh năm 1984; con: có 02 người, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa;

10. Họ và tên: **Nguyễn Xuân Hg (BV),** sinh ngày 08/01/1988, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm T1, xã LĐ, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Mua bán; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; trình độ văn hóa: 6/12; con ông Lê Văn D, sinh năm 1964 và bà Thái Thị Thu H, sinh năm 1970; anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là người thứ nhất; chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; con: có 02 người, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa;

Người bào chữa cho bị cáo Thái Thị N, Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q, Nguyễn Xuân H: Luật sư Đặng Văn Kt – Văn phòng luật sư Đặng Văn Kiệt – thuộc đoàn luật sư An Giang.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Minh N, Phan Văn P: Luật sư Lại Văn G – Công ty luật TNHH MTV Tấn Thành – thuộc đoàn luật sư An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Linh T, sinh năm 1995; nơi cư trú: ấp TL, xã CLG, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Hoàng Sĩ T, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt);

2. Lê Hồng T, sinh năm 1994 (có mặt),

3. Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt);
4. Trần Huỳnh N, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt);
5. Trần Văn D, sinh năm 1972 (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/9/2024, Thái Thị N (Nga) nghe Bụng (chú của N) nói Phan Văn P nói N giành mối làm ăn của PH, nên khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, N đến nhà PH ở khóm Thị 2, thị trấn Mỹ Luông (nay là xã Long Điền, tỉnh An Giang) nói chuyện. Khi này, Nguyễn Xuân H (em bà con với N) nghe người khác nói N đang cự cải với PH nên chạy đến nhà PH can ngăn. Khi N đến thì PH không có ở nhà, lúc này có Phan Văn C (ba của PH) thì H và N xảy ra cự cãi và đánh nhau với C trên đường (phía trước nhà PH). Sau đó, Lê Thị L (mẹ của PH) và Phan Thị Bích N (chị của PH) đang ở chỗ làm thuê của N gần đó chạy đến đánh nhau với H và N tại khu vực ngã ba đường (gần Trung tâm tH mại Thị trấn Mỹ Luông) thì được người dân xung quanh can ngăn, nên C, L, N về nhà. H và N tiếp tục đi đến trước nhà PH đứng chửi, lúc này PH điều khiển xe mô tô về đến và cự cãi với H, N. Cùng lúc này, C, L, N đi ra tiếp tục cự cải, la chửi. Trong lúc hai bên cự cải, la chửi, thì Đặng Minh N (chồng của N), Nguyễn Văn T (chồng của H) đến, thì ti61p tục đánh nhau. C cầm cây sắt dài khoảng 70cm trên tay phải thì bị H cầm cây gỗ dài khoảng 01m đánh C, C đưa tay trái lên đỡ thì bị đánh trúng tay trái. Sau đó, Công an thị trấn Mỹ Luông đến để giải quyết sự việc thì bên nhóm gia đình của PH đi ra, lúc này Phan Văn N (anh của PH), Lê Hồng Q (em của H) đến và Võ Linh Tâm (cháu bà con với H) đi ngang thấy sự việc nên dừng lại hỏi thăm H thì bị một người (không xác định được) đánh trúng vào bụng, mặt 01 cái. Khi này, 02 nhóm tiếp tục cầm hung khí đánh nhau, trong đó: N cầm cây tre dùng phơi đồ, dài khoảng 01m; H cầm cây, nón bảo hiểm; Q cầm thanh sắt dài khoảng 1,7m; N cầm ống tuýp sắt dài khoảng 1,4m đánh trúng vùng đầu của T 01 cái; PH cầm cây dao dài 30cm, cán dao bằng nhựa dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 20cm; L cầm cây sắt dài khoảng 70cm; T cầm cây màu đỏ - đen (giống như gậy đánh bóng chày); L cầm ống tuýp bằng kim loại, dài khoảng 02m; N dùng dây nịt bằng da, có mặt bằng kim loại để đánh nhau. Ngoài ra, có 01 thanh niên mặc áo sơ mi dài tay, màu đen (không rõ họ, tên, địa chỉ) giật lấy thanh sắt của Q đang cầm, đánh nhóm của PH gây náo loạn, xe và người đi đường không thể qua lại, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa pH. Nên Công an thị trấn Mỹ Luông phải sử dụng bình xịt hơi cay để ngăn chặn, mời tất cả về trụ sở làm việc. Sau khi sự việc xảy ra, chỉ tH tích nhẹ nên C, N, N, L, N, PH và H, N, T, Q từ chối giám định tH tích và có đơn không yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi cố ý gây tH tích.

Vật chứng thu giữ: 01 ống tuýp kim loại, đường kính 21mm, dài 1,4m; 01 ống tuýp kim loại, đường kính 21mm, dài 02m; 01 ống tuýp kim loại vuông 20mm, dài 80cm; 01 cây dao dài 30cm, cán dao bằng nhựa dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 20cm; 01 sợi dây nịt bằng da, màu đen, có đầu bằng kim loại màu trắng (đã qua sử dụng). (Tại bút lục số 55; 175).

- Kết luận giám định số 1690 ngày 17/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang: Trích xuất 42 ảnh từ dữ liệu video lưu trữ trong 03 đĩa DVD (ký hiệu A1, A2, A3) do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Chợ Mới gửi giám định. Kèm theo kết luận giám định: 01 phụ lục gồm 14 trang A4. (Tại bút lục số 94).

- Kết luận giám định tổn tH trên cơ thể qua hồ sơ số 837/KLTgTHS-TTPY ngày 16/01/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang, đối với Phan Văn C:

1. Các kết quả chính: Sưng nề, 1/3 dưới cẳng tay trái gây gãy 1/3 dưới xương trụ trái, đã điều trị nội khoa, tỷ lệ 06%, do vật tày gây nên.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22 ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn tH cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn tH cơ thể qua hồ sơ do tH tích gây nên của Phan Văn C tại thời điểm giám định là 06%.

- Văn bản số 05/UBND-TP ngày 07/01/2025 của Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Luông: Vụ gây rối trật tự công cộng xảy ra ngày 19/9/2024, tại khóm Thị 2, thị trấn Mỹ Luông liên quan đến nhiều đối tượng, có sử dụng hung khí, đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa pH.

Các bị cáo Thái Thị N, Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q, Đặng Minh N, Phan Văn P, Phan Văn C, Lê Thị L, Phan Văn Nt, Phan Thị Bích T, Nguyễn Xuân H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang khởi tố để điều tra xử lý.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

Cáo trạng số 09/CT-VKSKV11 ngày 23/10/2025, Viện kiểm sát nhân khu vực 11 - An Giang truy tố các bị cáo Thái Thị N, Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q, Đặng Minh N, Phan Văn P, Phan Văn C, Lê Thị L, Phan Văn N, Phan Thị Bích T, Nguyễn Xuân H về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng". Vì vậy, Cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Thái Thị N, Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q, Đặng Minh N, Phan Văn P, Phan Văn C, Lê Thị L, Phan Văn N, Phan Thị Bích N, Nguyễn Xuân H về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Thái Thị N từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

* Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Phan Văn P từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn T từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Hồng Q từ từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đặng Minh N từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Phan Văn C từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Thị L 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Phan Thị Bích N 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Phan Văn N 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Thị L 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Xuân H 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng có bị cáo hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về, xử lý vật chứng được thu giữ trong quá trình điều tra.

- Luật sư Đặng Văn Kiệt bào chữa cho các bị cáo Thái Thị N, Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q, Nguyễn Xuân H thống nhất cáo trạng và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận về tội danh và mức hình phạt. Tuy nhiên kính mong

Hội đồng xét xử xem xét đưa ra mức án phù hợp cho từng bị cáo vì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải khắc phụ hậu quả, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tôi lần đầu thuộc trường hợp ít N, tính chất mức độ nguy hiểm không còn. Do đó kính đề nghị Hội đồng xét xử cho tất cả các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răng đe giáo dục, nêu không được hưởng án treo đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo đầu khung hình phạt cũng đủ răng đe giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình xã hội.

- Luật sư Lại Văn Giang bào chữa cho các bị cáo Phan Văn P, Đặng Minh N trình bày: Thống nhất cáo trạng, tội danh và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo N, PH đã nhận thức được hành vi của mình gây ra, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, nhìn nhận được hành vi vi pham của mình. Bị cáo N vì bênh vực vợ nên cầm cây chống trả lại do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt, hoặc dưới mức đề nghị của đại diện viện kiểm sát cũng đủ răng đe giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo N, T, Q, N, PH, C, L, N, N, H thừa nhận hành vi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người tham gia tố tụng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 19/9/2024, tại khóm Thị 2, thị trấn Mỹ Luông (nay là xã Long Điền, tỉnh An Giang), Thái Thị N, Nguyễn Văn T, Lê Hồng

Q, Đặng Minh N, Phan Văn P, Phan Văn C, Lê Thị L, Phan Văn N, Phan Thị Bích N, Nguyễn Xuân H chỉ vì mâu thuẫn nhỏ thiếu kiềm chế mà tham gia chửi, sử dụng hung khí nguy hiểm (đoạn sắt, dao, cây gỗ, nón bảo hiểm, dây nịch...) tham gia đánh nhau. Mặc dù đã được Công an thị trấn Mỹ Luông đến giải quyết đáng lẽ các bị can phải dừng việc đánh nhau để chính quyền địa pH giải quyết. Nhưng với bản chất xem thường Pháp luật các bị can vẫn dùng hung khí tham gia gây mất trật tự, gây ùn tắc giao thông tại khu dân cư, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa pH. Do đó các bị cáo cùng phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4]. Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến an toàn công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa pH, các bị cáo tụ la hét, chửi bới lớn tiếng và có hành vi sử dụng hung khí để tấn công nhau, gây hỗn loạn tiếng ồn lớn, phá vỡ tình trạng ổn định ở nơi công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên cần phải xử lý nghiêm để răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. Qua xem xét toàn bộ chứng cứ, tài liệu hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, cũng như tính chất, mức độ tham gia và nhân thân của từng bị cáo, xét thấy trong vụ án này các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, cũng cần phân hóa vai trò của từng bị cáo.

[5.1]. Bị cáo N, PH là người giữ vai trò chính, xuất phát dẫn đến việc hai nhóm cự cãi là do mâu thuẫn trong việc làm ăn với nhau mà hai bên gây gổ dẫn đến ẩu đả lẫn nhau. Do đó, hành vi của bị cáo N, PH đủ yếu tố cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để răn đe, giáo dục bị cáo.

[5.2]. Đối với các bị cáo T, Q, N, C, L, N, N, H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ nhận thức và điều khiển hành vi của mình theo đúng quy định pháp luật. Lẽ ra, các bị cáo phải biết rè luyện bản thân, nhưng các bị cáo làm không được, mà cùng các bị cáo N, PH sử dụng hung khí đánh nhau, gây mất an ninh trật tự. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để răn đe, giáo dục bị cáo.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền

sự, chấp hành tốt chủ trương chính sách pháp luật của nhà nước tại địa pH. Ngoài ra, các bị cáo là người thân với nhau trong gia đình nếu chấp hành án phạt là tù sẽ ảnh hưởng đến đời sống của những người còn lại. Bị cáo PH, N là tình nguyện viên – Lái xe chuyển bệnh miễn phí được tặng giấy khen, bị cáo H đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó đối với các bị cáo C, L, N, N, H; Hội đồng xét xử xem xét không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên cũng đủ răn đe giáo dục các bị cáo.

[6.2]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- 01 ông tuýp kim loại đường kính 21mm, dai 1.4m (đã qua sử dụng);

- 01 ông tuýp kim loại đường kính 21mm, dai 2m (đã qua sử dụng);

- 01 ông tuýp kim loại vuông 20mm, dai 80cm (đã qua sử dụng);

- 01 cây dao dài 30cm, cán dao bằng nhựa dái 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 20cm (đã qua sử dụng);

- 01 sợi dây nịch bằng da màu đen, có đầu bằng kim loại màu trắng (đã qua sử dụng).

* Hội đồng xét xử xét thấy: Các vật chứng nêu trên các bị cáo dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. *Về trách nhiệm dân sự:* không

[9]. Về hành vi khác:

- Đối với ông Phan Văn C bị H cầm cây gỗ đánh gây tH tích 06% nhưng C có đơn bãi nại, không yêu cầu xử lý hình sự, nên Cơ quan điều tra không khởi tố H về tội "Cố ý gây tH tích" là phù hợp.

- Đối với người thanh niên mặc áo sơ mi dài tay, màu đen (không rõ họ, tên, địa chỉ) cầm thanh sắt đánh nhóm của PH, hiện nay chưa làm việc được, nên Hội đồng xét xử đề nghị tiếp tục xác minh, điều tra xử lý đối tượng trên.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Thái Thị N (Nga), Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q (Bọ), Đặng Minh N, Phan Văn P, Phan Văn C, Lê Thị L, Phan Văn N, Phan Thị Bích N (Tú), Nguyễn Xuân H (Bé Vàng) phạm tội *"Gây rối trật tự công cộng";*

1. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Thái Thị N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01/6/2025.

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01/6/2025.

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01/6/2025.

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hồng Q (Bọ) 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01/6/2025.

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Minh N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01/6/2025.

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn C 02 (hai) năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm.

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị L 02 (hai) năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm.

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thị Bích N 02 (hai) năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm.

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn N 02 (hai) năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm.

* Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 06 (sáu) tháng.

Giao các bị cáo Phan Văn C, Lê Thị L, Phan Văn N, Phan Thị Bích N (Tú), Nguyễn Xuân H (Bé Vàng) cho ủy ban nhân dân xã Long Điền, tỉnh An Giang giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 ông tuýp kim loại đường kính 21mm, dai 1.4m (đã qua sử dụng);

- 01 ông tuýp kim loại đường kính 21mm, dai 2m (đã qua sử dụng);

- 01 ông tuýp kim loại vuông 20mm, dai 80cm (đã qua sử dụng);

- 01 cây dao dài 30cm, cán dao bằng nhựa dái 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 20cm (đã qua sử dụng);

- 01 sợi dây nịch bằng da màu đen, có đầu bằng kim loại màu trắng (đã qua sử dụng).

(Hiện vật chứng trên do Phòng thi hành án dân khu vực 11 – An Giang đang quản lý theo biên bản giao nhận ngày 29/10/2025).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Thái Thị N (Nga), Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q (Bọ), Đặng Minh N, Phan Văn P, Phan Văn C, Lê Thị L, Phan Văn N, Phan Thị Bích N (Tú), Nguyễn Xuân H (Bé Vàng) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.*

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Hội đồng xét xử đã giải thích chế định được hưởng án treo cho các bị cáo)

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Cơ quan điều tra;
- Phân trại tạm giam;
- Bộ phận THA Tòa án;
- Phòng thi hành án ds khu vực 11;
- Bị cáo;
- UBND xã Long Điền, tỉnh An Giang;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Dương